

BẢNG GIÁ SỐ 6

PHỤ LỤC 34: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI XÃ VÂN CANH

(Ban hành kèm Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
1	Bùi Thị Xuân	Lộ giới 14m từ giáp Nghĩa trang	Kè Suối Rao	570.000		
2	Chế Lan Viên	Km 26+700, Quốc lộ 19C (nhà ông Phan Hữu Chính)	Nhà ông Ngô Văn Bảng	350.000		
3	Đào Tấn	KM 27+466, Quốc lộ 19C (nhà ông Nguyễn Ngọc Lịch)	Nhà ông Trần Quốc Thuận (34m)	350.000		
4	Đường 3 Tháng 2	Giáp quốc lộ 19C	Nhà máy nước huyện Vân Canh (20m)	680.000		
		Nhà ông Bình giáp quốc lộ 19C	Nhà ông Cái Minh Luân (34m)	350.000		
5	Hàn Mặc Tử	KM27+165, quốc lộ 19C (nhà ông Huỳnh Văn Thành)	Trường Mẫu giáo (34m)	350.000		
6	Mang Thoong	KM 29+395 QL 19C từ nhà ông Bốn	Cầu Canh Sơn (Hiện hữu 7m)	380.000		
7	Nguyễn Nhạc	Nhà ông Tạnh	Đường Tây huyện (lộ giới 28m)	690.000		
8	Nguyễn Lữ	Quán Thùy Trang (KP Hiệp Giao)	Ngã 3 nhà ông Hòa (20m)	690.000		
9	Ngô Mây	Nhà ông Nguyễn Kim Trọng	Nhà ông Võ Văn Ngà (34m)	350.000		
10	Nguyễn Trung Trực	Nhà ông Bùi Phúc Hưng	Nhà ôn Võ Văn Tỵ (34m)	350.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
11	Quang Trung (Quốc lộ 19C đi ngang qua thị trấn cũ)	Cầu Hiền Thông	Cổng Bà Ráng	1.260.000		
		Cổng Bà Ráng	Cầu Bà Ba	1.680.000		
		Cầu Bà Ba	Cổng nhà ông Những	1.260.000		
12	Trần Bá	Km 28+994, Quốc lộ 19C (nhà ông Dương Văn Nghi, Tân Thuận)	Nhà bà Lê Thị Mai (34m)	350.000		
13	Trần Quang Diệu	Nhà văn hóa KP Hiệp Giao	Cổng tràn KP Đắc Đâm (12m)	480.000		
14	Võ Văn Dũng	Nhà công vụ Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn huyện Văn Canh	Cạnh sân bóng đá mini (20m)	680.000		
15	Xuân Diệu	KM 28+683 QL 19C từ nhà ông Thiên	Sông Hà Thanh (12m)	500.000		
16	Quốc lộ 19C	Cổng nhà ông Những	Cầu Hai Sáu	840.000		
		Cầu Hai Sáu	Giáp xã Đồng Xuân, tỉnh Đắk Lắk (tỉnh Phú Yên cũ)	660.000		
17	Đường Phía Tây huyện thuộc địa bàn thị trấn Văn Canh (cũ)	Giáp xã Canh Thuận (cũ)	Giáp nhà ông Thông (Lộ giới 24m)	710.000		
		Nhà ông Thông	Hết khu phố 3 (Lộ giới hiện hữu 6,5m)	380.000		
18	Các tuyến đường khác trong thị trấn (cũ)	Đường có lộ giới > 4m		380.000		
		Đường có lộ giới từ 3m đến < 4m		350.000		
		Đường có lộ giới từ < 3m		340.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
19	Khu quy hoạch dân cư mới	Các lô đất quay mặt đường có lộ giới 20m		640.000		
		Các lô đất quay mặt đường có lộ giới 14m		530.000		
		Các lô đất quay mặt đường có lộ giới 12m		440.000		
		Các lô đất quay mặt đường có lộ giới 9m		420.000		
20	Khu vực 1			340.000	290.000	240.000
21	Khu vực 2			290.000	250.000	220.000
22	Khu vực 3			250.000	230.000	210.000